CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT

Ngày 30/09/2025	64,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-1.8%**	**5.7%**

DT thuần
Q3/25
221
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0| 5.5%
YoY: ▲ 20.0| 10.2%

LN thuần
Q3/25
57.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70| 3.1%
YoY: ▲ 0.70| 1.3%

LN sau thuế
Q3/25
46.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40| 3.2%
YoY: ▲ 0.50| 1.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
26.0%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q3/25
19.2%
YoY: +/-▼ 0.6%

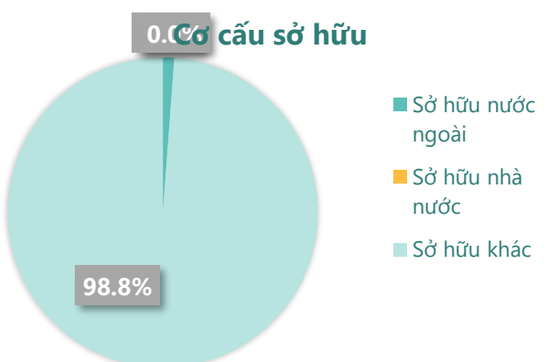
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	50,307 - 77,980
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,181
Số lượng CPLH (CP)	18,419,884
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,010
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	1.18
EPS	7,978
P/E	8.0

DT thuần
9T 2025
549
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 69.0| 14.4%

LN thuần
9T 2025
137
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 14.9%

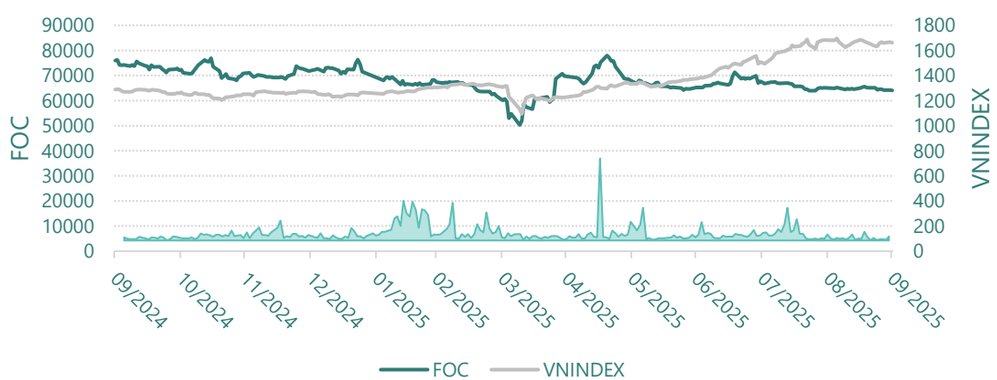
LN sau thuế
9T 2025
109
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.7| 14.8%

Cơ cấu sở hữu

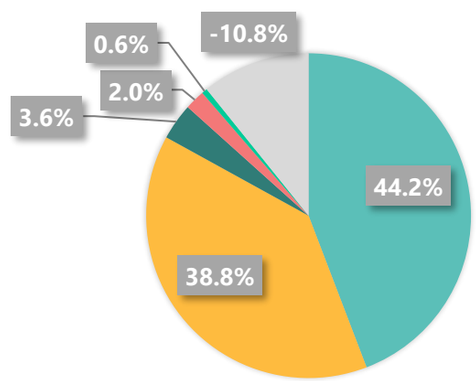


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



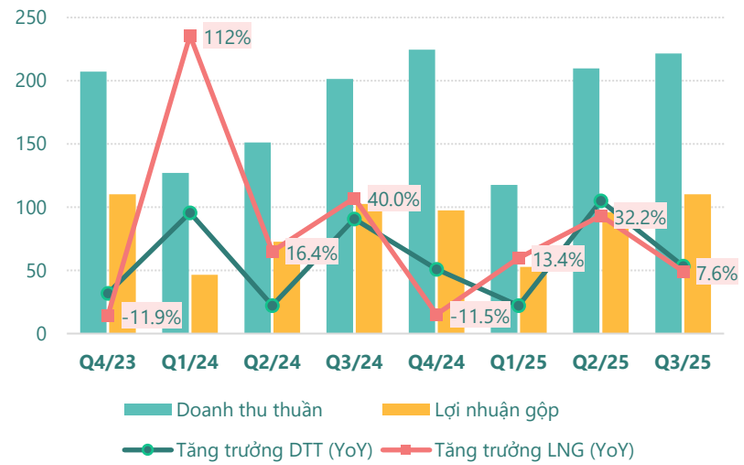
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

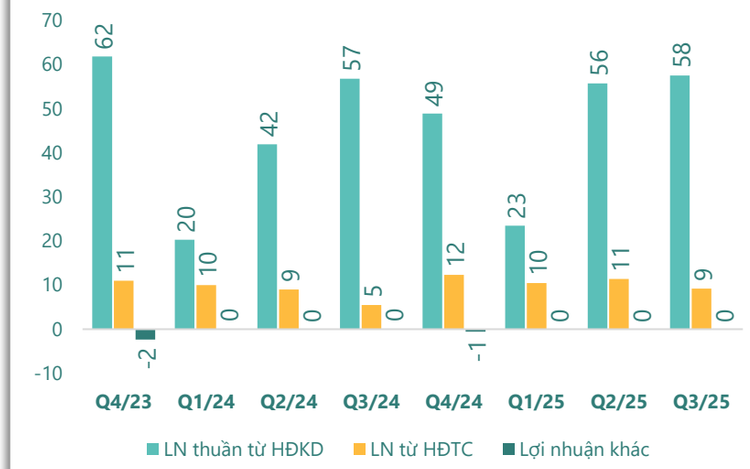
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



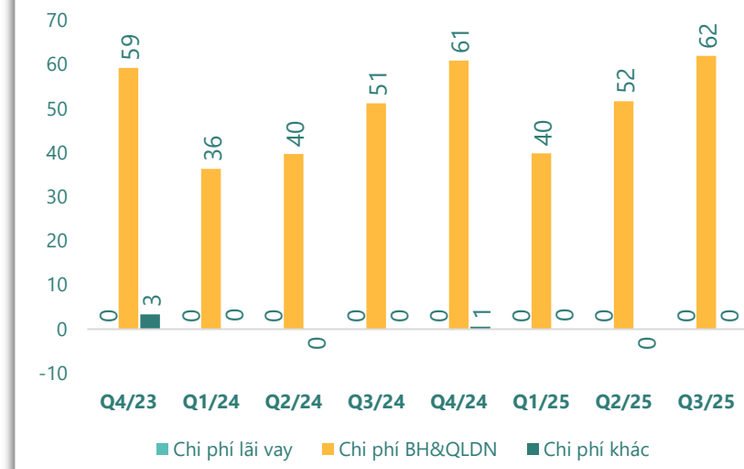
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



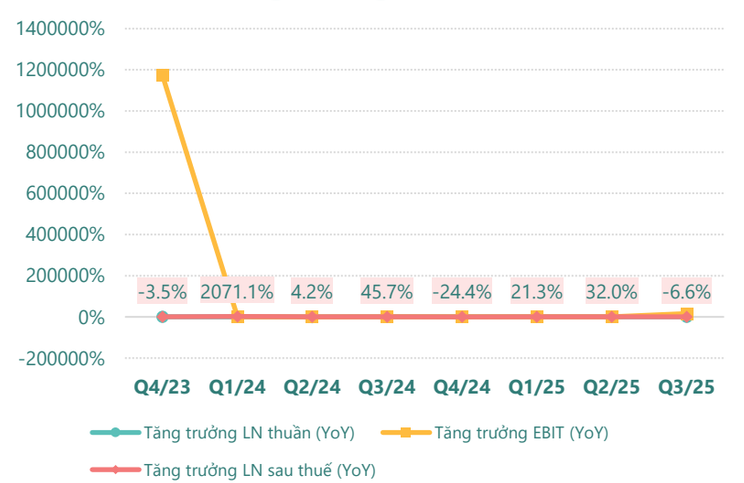
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



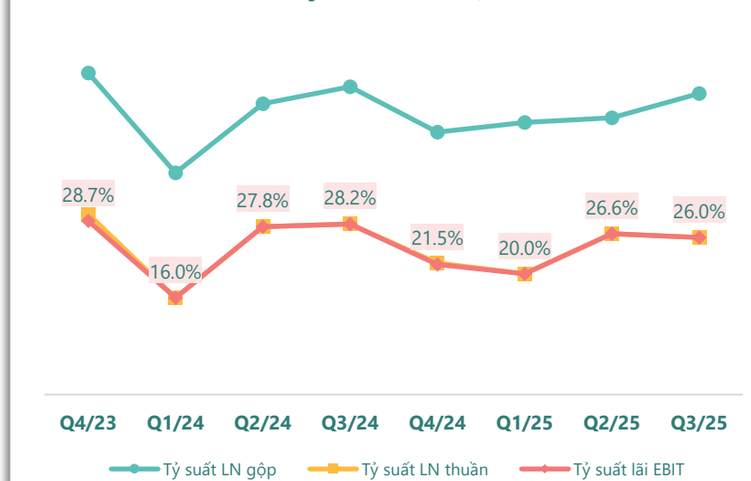
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



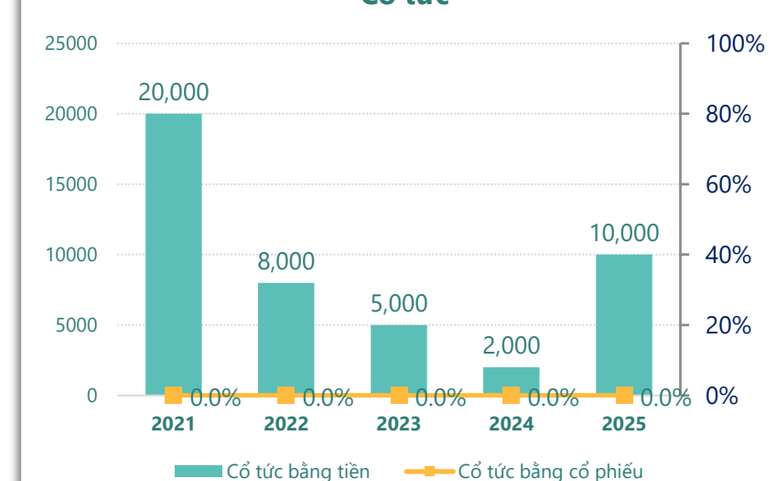
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

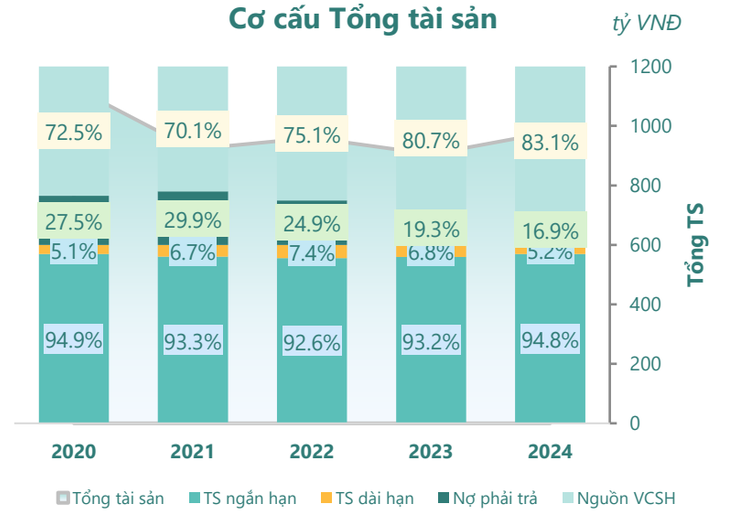
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

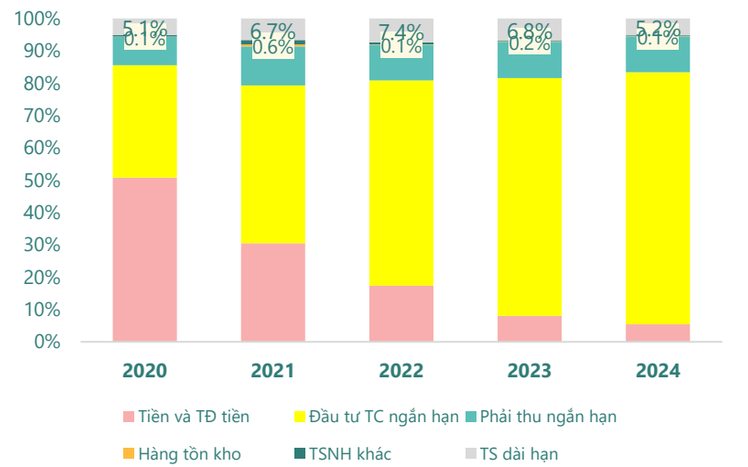
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



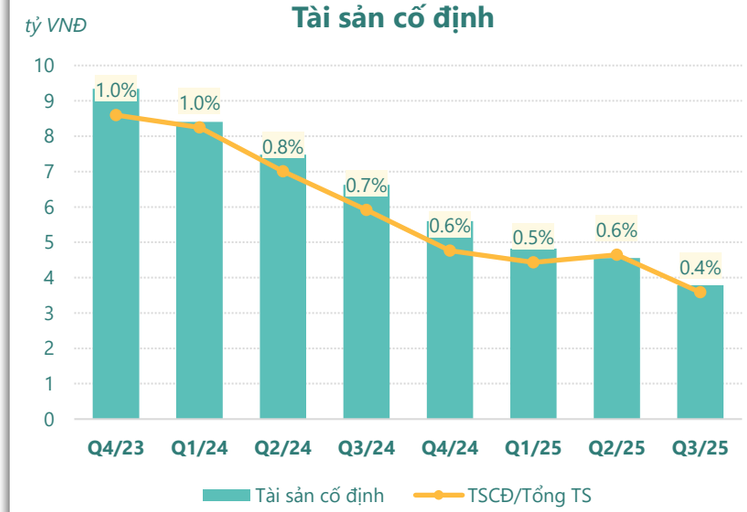
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



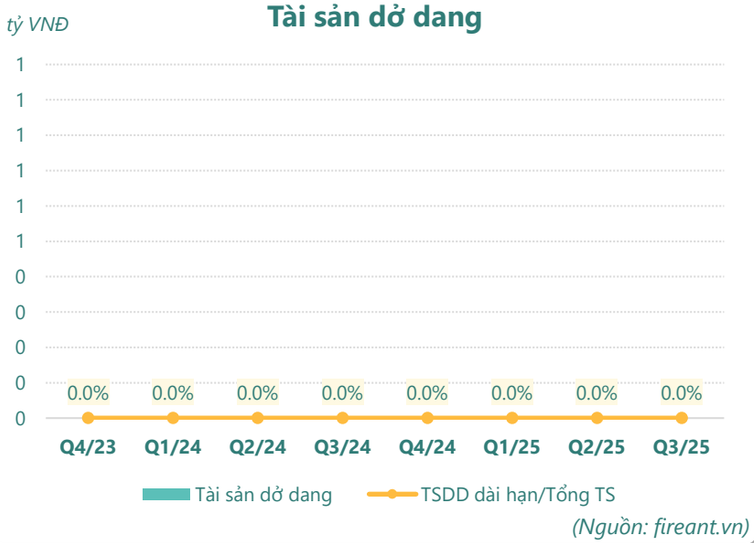
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



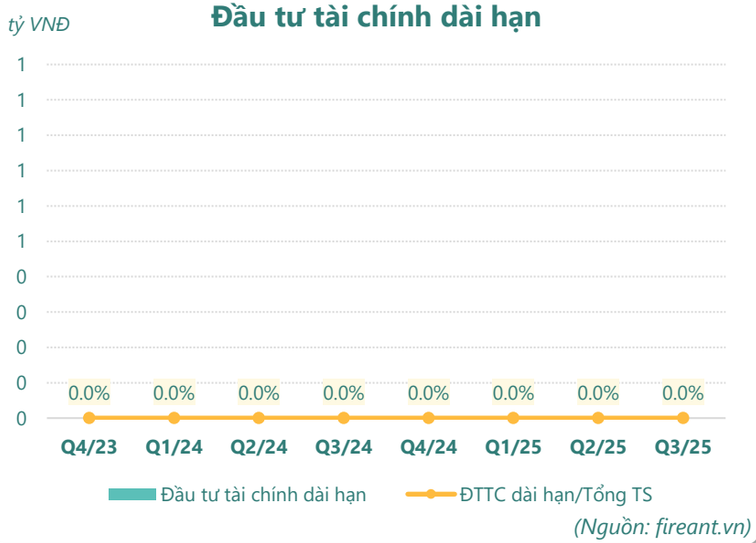
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



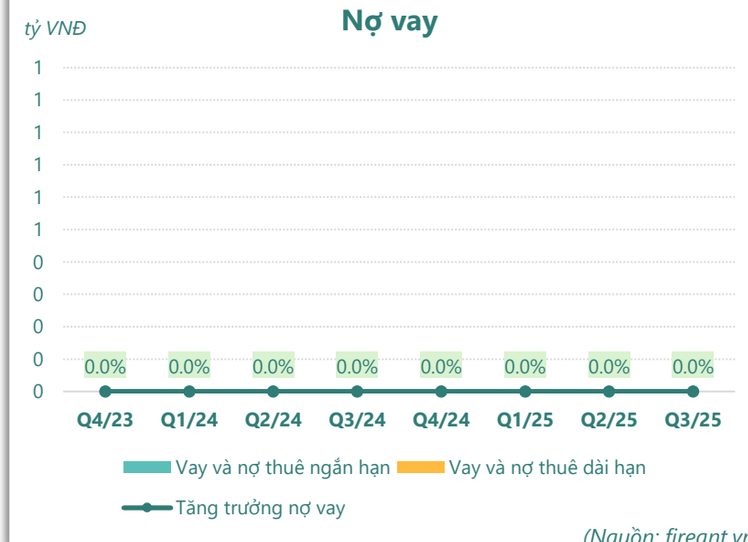
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

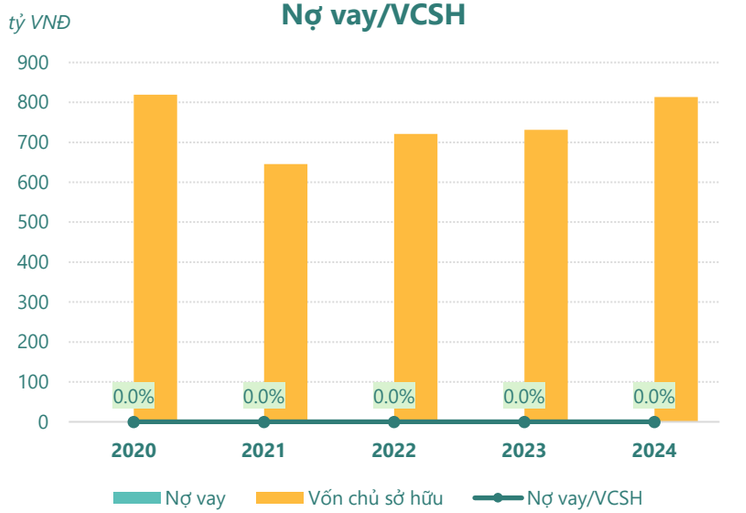
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

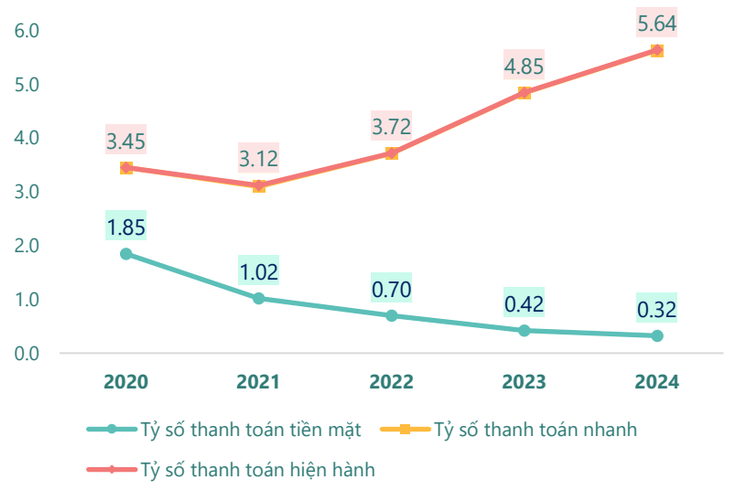
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



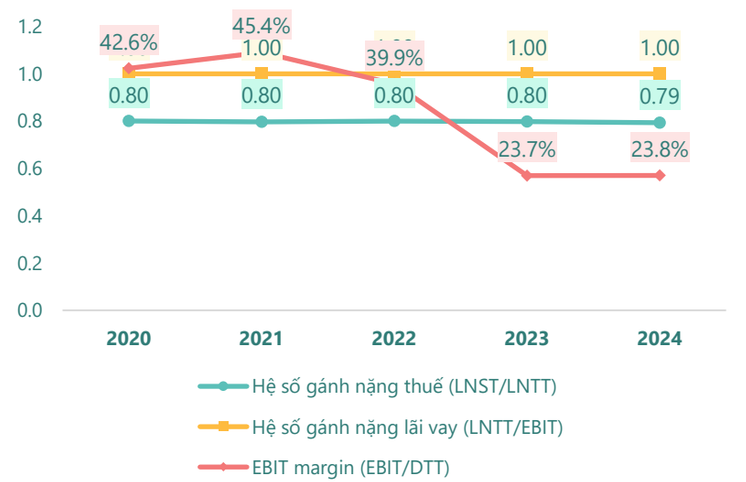
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



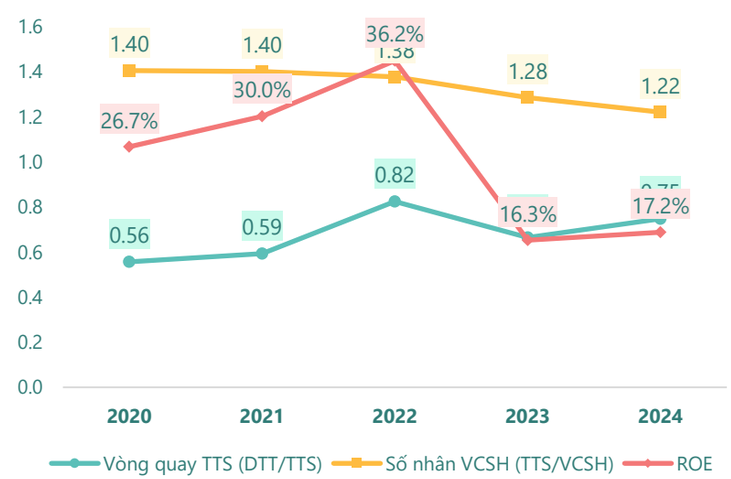
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



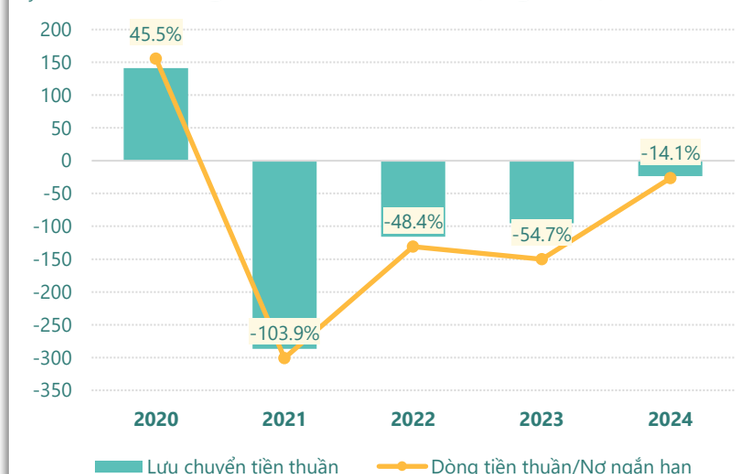
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**221**	**201**	**10.2%**	**549**	**480**	**14.4%**
Giá vốn hàng bán	111	98.9	12.4%	290	258	12.2%
Lợi nhuận gộp	110	103	7.1%	259	222	16.8%
Doanh thu HĐTC	9.23	5.46	69.0%	31.2	24.5	27.5%
Chi phí TC	0.03	0.00		0.16	0.01	1207%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	32.5	24.3	33.9%	73.4	58.6	25.3%
Chi phí QLDN	**29.4**	**26.8**	**9.8%**	**80.1**	**68.7**	**16.7%**
LN thuần từ HĐKD	57.5	56.8	1.3%	137	119	14.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.03**	**-84.2%**	**0.02**	**0.09**	**-75.8%**
LN trước thuế	57.5	56.8	1.3%	137	119	14.8%
Lợi nhuận sau thuế	**46.0**	**45.5**	**1.2%**	**109**	**95.3**	**14.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**46.0**	**45.5**	**1.2%**	**109**	**95.3**	**14.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.0	56.8	24.4	-47.0	61.4	37.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-42.6	-9.73	-6.99	27.7	134	-51.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-36.8	0	0	-184	0
Tiền đầu kỳ	29.6	25.4	33.2	53.3	34.6	46.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.62**	**10.3**	**17.4**	**-19.3**	**10.7**	**-13.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.43	-2.48	2.66	0.62	1.62	0.60
Tiền cuối kỳ	25.4	33.2	53.3	34.6	46.9	33.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**880**	**979**	**-10.1%**
Tài sản ngắn hạn	837	928	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	33.8	53.3	-36.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	683	763	-10.5%
Phải thu ngắn hạn	119	108	10.1%
Hàng tồn kho	0.81	1.06	-23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.95	2.75	-65.5%
Tài sản dài hạn	**42.8**	**50.9**	**-15.9%**
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.0%
Tài sản cố định	3.78	5.59	-32.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**38.4**	**44.7**	**-14.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	141	166	-14.7%
Nợ ngắn hạn	**140**	**165**	**-14.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	21.5	19.1	12.6%
Nợ dài hạn	1.21	0.94	29.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**739**	**814**	**-9.2%**
Vốn chủ sở hữu	**739**	**814**	**-9.2%**
Vốn điều lệ	185	185	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)